

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Trinh và bà Phạm Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1984. Nơi ĐKKHKT: **Thôn E, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam**. Nơi ở hiện nay: 102 Primrose, **số C, lô C, 428 I, E-cho, thành phố F, tỉnh Hiroshima, Nhật Bản**; có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Đình C** - Luật sư **Công ty L2** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H**. Địa chỉ: **Số A, ngõ A, đường V, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội**; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Trọng T1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Thôn E, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các đương sự trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị T** và anh **Trần Trọng T1** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2005 tại **UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam**.

Theo chị **Trần Thị T**, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2017 do anh **T1** thường xuyên tụ tập chơi bời, điều kiện kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, anh **T1** đánh chửi chị nên chị phải bỏ đi. Từ năm 2017 đến nay chị và anh **T1** sống ly thân. Đến năm 2018, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **T1** nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**.

Theo anh **Trần Trọng T1**, vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau, chị **T** sợ bị anh đánh nên bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống. Thời gian này cháu **L** bị tai nạn phải nằm viện chị **T** cũng không quan tâm, chăm sóc gì đến cháu **L**. Kể từ năm 2018 chị **T** không còn quan tâm gì đến gia đình, con cái, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị **T** xin ly hôn, tôi không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Trần Thanh Thùy L1**, sinh ngày 21/11/2005 và cháu **Trần Phương T2**, sinh ngày 08/5/2012. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng anh **T1** và bố mẹ đẻ anh **T1**. Cháu **L1** bị khuyết tật não bẩm sinh, được nhận trợ cấp xã hội theo chính sách của nhà nước, cháu **T2** đang là học sinh.

Nếu ly hôn, chị **T** có quan điểm xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp anh **T1** có nguyện vọng khác chị đồng ý theo nguyện vọng của anh **T1** và cháu **T2**.

Anh **T1** không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc giao con cho ai nuôi dưỡng hay cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con riêng, con nuôi: Các đương sự đều xác định không có con riêng, con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của ông **Trần Trọng T3** (là bố đẻ của anh **T1**) trình bày như sau: Chị **T** và anh **T1** kết hôn năm 2005. Vợ chồng anh chị chung sống đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh **T1** thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và ly thân cho đến nay. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu **Trần Thanh Thùy L1**, sinh ngày 21/11/2005 và cháu **Trần Phương T2**, sinh ngày 08/5/2012. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng anh **T1** và gia đình ông. Cháu **L1** bị khuyết tật não bẩm sinh, được nhận trợ cấp xã hội theo chính sách của nhà nước, cháu **T2** đang là học sinh. Ông mong muốn vợ chồng

anh chị về đoàn tụ, nếu ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2024, UBND xã T cung cấp nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2005 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thanh Thùy L1, sinh ngày 21/11/2005 và cháu Trần Phương T2, sinh năm 08/5/2012. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng anh T1 và gia đình anh T1. Cháu L1 bị khuyết tật, được nhận trợ cấp xã hội theo chính sách của nhà nước, cháu T2 đang là học sinh. Đại diện chính quyền địa phương mong muốn hoà giải cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ, nếu ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị T vắng mặt nên không thể tiến hành hoà giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T1.

Về con chung: Giao cháu Trần Thanh Thùy L1, sinh ngày 21/11/2005 cho anh Trần Trọng T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Phương T2, sinh ngày 08/5/2012 cho anh Trần Trọng T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến cháu T2 đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thanh Thùy L1 số tiền là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 và cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Phương T2 số tiền là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con”. Nguyên đơn chị **Trần Thị T** đang sống ở nước Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chị **Trần Thị T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Trần Trọng T1** được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị T** và anh **Trần Trọng T1** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2005 tại **UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam** nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do anh **T1** thường xuyên tụ tập, chơi bời và điều kiện kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau nên chị **T** bỏ đi về nhà mẹ đẻ sinh sống, đến năm 2018 chị **T** đi lao động tại Nhật Bản. Kể từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **T** xin ly hôn anh **T1** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu **Trần Thanh Thùy L1**, sinh ngày 21/11/2005 và cháu **Trần Phương T2**, sinh ngày 08/5/2012. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng anh **T1** và bố mẹ đẻ anh **T1**. Cháu **L1** bị khuyết tật não bẩm sinh, được nhận trợ cấp xã hội theo chính sách của nhà nước, cháu **T2** đang là học sinh.

Xét, cháu **Trần Thanh Thùy L1** và cháu **Trần Phương T2** đều đang ở cùng anh **T1** và bố mẹ đẻ anh **T1**, quá trình giải quyết vụ án, bố mẹ đẻ anh **T1** cũng đồng ý hỗ trợ anh **T1** và chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, chị **Trần Thị T** đang làm việc tại Nhật Bản nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và học tập của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu **Trần Thanh Thùy L1**, sinh ngày 21/11/2005 và cháu **Trần Phương T2**, sinh năm 08/5/2012 cho anh **Trần Trọng T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, thấy đối với cháu **Trần Thanh Thùy L1**, sinh ngày 21/11/2005, do cháu bị bệnh và được hưởng trợ cấp xã hội, nhưng xét thấy mức trợ cấp xã hội không đảm bảo nuôi dưỡng cháu nên chị **Trần Thị T** phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu **Trần Thanh Thùy L1** số tiền là 2.000.000

đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 và cấp dưỡng tiền nuôi cháu **Trần Phương T2** số tiền là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu **T2** đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị **Trần Thị T** phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 238, 266, 271, 273 và 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị T** và anh **Trần Trọng T1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Trần Thanh Thùy L1**, sinh ngày 21/11/2005 cho anh **Trần Trọng T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu **Trần Phương T2**, sinh ngày 08/5/2012 cho anh **Trần Trọng T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến cháu **T2** đủ 18 tuổi.

Chị **Trần Thị T** phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu **Trần Thanh Thùy L1** số tiền là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 và cấp dưỡng nuôi con chung cháu **Trần Phương T2** số tiền là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu **T2** đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002806 ngày 18/10/2023 tại Chi

Cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, chị **T** còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, chị **Trần Thị T** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh **Trần Trọng T1** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Các đương sự;
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Tiến Thắng;
- Lưu hồ sơ, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San